

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI NAM

BÁO CÁO

**CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÁC
ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU – CHI TÀI
CHÍNH THEO HƯỚNG DẪN THÔNG TƯ 36/TT – BGDĐT**

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
NĂM HỌC 2022-2023

Hải Nam, tháng 9 năm 2023

Số: 30/BC-THCSH NAM

Hải Nam, ngày 26 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU CHI TÀI CHÍNH
THEO HƯỚNG DẪN THÔNG TƯ SỐ 36/2017/TT-BGDĐT,
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ :

1. Thuận lợi:

Hải Nam là một xã nằm ở phía đông bắc huyện Hải Hậu, có chiều dài 8 km, rộng 3 km; có vị trí quan trọng, nằm cạnh trục đường 21B, Nam Định - Chợ Cồn; đường 489 Nam Định - Quất Lâm. Diện tích tự nhiên 774,21 ha, diện tích canh tác 435,18ha. Dân số xã tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2018 có 9075 nhân khẩu, 3130 hộ được biên chế thành 20 xóm đội. Tổng số đối tượng trong độ tuổi lao động là 5847.

Kế thừa và phát huy truyền thống tứ tính cứu tộc hơn 500 năm mở đất của các thế hệ người Hải Hậu, cán bộ và nhân dân Hải Nam giàu lòng yêu quê hương đất nước và có truyền thống cách mạng, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, kiên cường, anh dũng, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hải Nam vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (*Quyết định số 624/QĐ-CTN ngày 26-4-2018*).

Trường THCS Hải Nam được thành lập năm 1962. Trải qua 61 năm xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm chỉ đạo của Sở GD&ĐT Nam Định, UBND huyện, Phòng GD&ĐT huyện Hải Hậu, Đảng ủy, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể, sự ủng hộ nhiệt tình của CMHS, cùng với quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng, các thế hệ thầy, trò đã vượt qua khó khăn, xây dựng Trường THCS Hải Nam lớn mạnh cả về quy mô, chất lượng đào tạo.

Hội đồng sư phạm nhà trường có 27 cán bộ, giáo viên (5 CB-GV hợp đồng); 100% CB-GV đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 21 đồng chí trình độ đại học, 16 đảng viên.

Đội ngũ giáo viên đa số là người địa phương, nhiệt tình, có trách nhiệm, đoàn kết. Nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng được công nhận là CSTĐ, giáo viên Giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cán bộ cốt cán các bộ môn của phòng GD&ĐT Hải Hậu.

Chất lượng giáo dục các bộ môn văn hóa trong nhiều năm qua khá ổn định và xếp trong top đầu các trường THCS của huyện.

Năm học 2021-2022, trường được UBND tỉnh Nam Định tặng danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến.

Năm học 2022-2023, trường được UBND tỉnh Nam Định tặng danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến.

2. Khó khăn:

- Nhiều phụ huynh học sinh thường xuyên đi làm ăn xa chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em mình. Tệ nạn xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến việc giáo dục đạo đức học sinh;

- Đòi hỏi cao của chương trình GDPT 2018, sự kỳ vọng của cán bộ nhân dân với khả năng hiện có của nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên thiếu cả về số lượng và chủng loại (thiếu giáo viên ngữ văn, lịch sử, âm nhạc). Tỷ lệ giáo viên 1,75 giáo viên/lớp (theo quy định 1,9 GV/lớp). Khắc phục khó khăn do thiếu giáo viên, nhà trường hợp đồng 3 giáo viên theo năm học. Tuy cơ bản đủ giáo viên nhưng chất lượng giáo viên hợp đồng chưa đồng đều;

- Là năm học thứ 3 thực hiện chương trình GDPT 2018 (đối với lớp 6, 7, 8) việc tiếp cận chương trình, phương pháp đổi mới giáo viên còn gặp nhiều trở ngại, đặc biệt là các bộ môn KHTN, LSĐL và việc ứng dụng CNTT chuyển đổi số trong dạy học;

- Cơ sở vật chất, phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng xuống cấp. Số lượng, diện tích phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng đối chiếu với Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26/5/2020 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thiếu và phần lớn các phòng không đủ diện tích;

- Trang thiết bị, đồ dùng, hóa chất phục vụ dạy học cũ, thiếu, hết hạn sử dụng;

- Toàn trường có 18 học sinh mồ côi cha, 4 học sinh mồ côi mẹ; 15 học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gần 40 HS (36 hs) không được bố mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, hiện đang với ông bà, người thân. Có 3 học sinh diện hộ nghèo, 23 học sinh diện hộ cận nghèo. Đây là một khó khăn ảnh hưởng không nhỏ tới việc phối kết hợp giáo dục đạo đức và học tập của HS.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA ĐƠN VỊ :

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện:

+ Tuyển sinh theo kế hoạch của Phòng GD&ĐT. Đối tượng là học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

+ Độ tuổi: từ 11 đến 13 tuổi.

+ Thời gian tuyển sinh: từ ngày 5/6 đến hết ngày 10/6/2022.

+ Địa điểm: tại trường THCS Hải Nam.

- Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh:

+ Cung cấp đủ mọi thông tin của cơ sở giáo dục đến gia đình học sinh.

+ Gia đình cần tạo đủ điều kiện cho học sinh tham gia học tập

+ Họp cha mẹ học sinh đầu năm thông báo các khoản thu do nhà nước quy định

+ BGH nhà trường thường xuyên liên hệ với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để phối hợp giáo dục học sinh. Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp để kịp thời giáo dục học sinh.

+ Người học phải thực hiện đầy đủ các quy định trong điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và nội quy của nhà trường đề ra.

- Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

+ Có môi trường học tập và vui chơi lành mạnh thoáng mát. Phòng thư viện có đủ các loại sách phục vụ cho giáo viên, học sinh, sân khấu của trường với đầy đủ thiết bị, âm thanh - nơi học sinh có thể biểu diễn hát, múa, sinh hoạt, vui chơi, phát triển năng khiếu.

+ Học sinh được tham gia các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ.

+ Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ tốt cho việc học của học sinh.

+ Đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học: có đủ các phòng chức năng

+ Học sinh được tiếp cận các phương tiện dạy học hiện đại.

+ Học sinh được học tập Tin học, khai thác thông tin trên mạng tại phòng máy vi tính có kết nối internet.

- Kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 09).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

- Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số đối với trường trung học cơ sở (Theo Biểu mẫu 10).

+ Tăng cường giáo dục đạo đức, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, thực hiện tốt việc học tập, đạt chỉ tiêu đề ra. Kết quả năm học 2022-2023:

- + Đạo đức loại Tốt: 85,3%
- + Đạo đức loại Khá: 12,6%
- + Đạo đức loại Trung bình 2,1%
- + 100% học sinh có đủ sức khỏe để học tập.
- + 27,3% xếp loại học lực loại giỏi
- + 38,6% xếp loại học lực khá
- + 28,7% xếp loại học lực trung bình
- + 5,4% học sinh xếp loại yếu

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt chuẩn mức độ	Ghi chú
1	2019	Số 1367/QĐ-UBND ngày 28/06/2019	2019-2024	II	
2	2019	Số 1285/QĐ-SGDĐT, ngày 06/8/2019		Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn	
3	2019	Tháng 7 năm 2019		Thư viện Tiên tiến	

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng (theo Kế hoạch số 23/KH-TH/THCS HNAM ngày 26/9/2019) để duy trì trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2019-2024 đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 28/06/2019.

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia để được cấp có thẩm quyền công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2024-2029 (theo Kế hoạch số 29/KH- TH/THCS HNAM ngày 25/9/2023).

- Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định của trường đạt chuẩn Quốc gia.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt Kiểm định chất lượng cấp độ	Ghi chú
1	2019	Số 1266/QĐ-UBND ngày 29/07/2019	2019-2024	III	

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng để duy trì trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 giai đoạn 2019-2024 đã được Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định công nhận tại Quyết định số 1266/QĐ-SGDĐT ngày 29/07/2019.

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt Kiểm định chất lượng để được cấp có thẩm quyền công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 giai đoạn 2026-2031 (theo Kế hoạch số 29/KH- TH/THCS HNAM ngày 25/9/2023).

- Hằng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch cũng như đã tiến hành tự đánh giá và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh:

- Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng về cơ sở vật chất. Các phòng học, phòng chức năng đảm bảo về diện tích và được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng đen, ánh sáng.. đảm bảo mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

- Các phòng chức năng được khai thác, hoạt động thường xuyên, có hiệu quả cao trong dạy và học.

* Số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có so với quy định (theo Biểu mẫu 11).

- Đảm bảo tối thiểu các thiết bị dạy học và được sử dụng trong các tiết học.

- Nhiều thiết bị dạy học còn thiếu so với yêu cầu dạy học. Các thiết bị, đồ dùng dạy học sau một thời gian sử dụng đã hư hỏng .

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và các năm tiếp theo:

+ Đào tạo: học đại học: 01 đồng chí hình thức vừa học vừa làm đến năm 2024.

+ Bồi dưỡng thường xuyên: 21 đồng chí đều đạt khá và giỏi (2 quản lý và 19 giáo viên); Hàng năm tiếp tục tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo quy định.

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính của đơn vị.

- Công khai Dự toán thu - chi Ngân sách nhà nước giao năm 2023 theo thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017, Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính của Bộ tài chính:

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
		<i>ĐVT: đồng</i>
TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.618.330.758
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.618.330.758
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.618.330.758

Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi Ngân sách Nhà nước trong năm 2023 theo quý:

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.618.330.758	945.438.772	26%	99%
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.618.330.758	945.438.772	26%	99%
1.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	3.618.330.758	945.438.772	26%	99%

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2023

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.618.330.758	954.607.986	26%	112%
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.618.330.758	954.607.986	26%	112%
1.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	3.618.330.758	954.607.986	26%	112%

Công khai quyết toán thu – chi Ngân sách Nhà nước năm 2022

T T	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Hoạt động SX, cung ứng DV	494.456.000	288.124.000			
2	Hoạt động sự nghiệp khác	744.118.695	744.118.695			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	809.195.990				
1	Hoạt động SX, cung ứng DV	288.124.000	288.124.000	104.636.000		
2	Hoạt động sự nghiệp khác	744.118.695	744.118.695		124.759.020	
C	Số thu nộp NSNN	2.508.000	2.508.000			
1	Hoạt động SX, cung ứng DV	2.508.000	2.508.000			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.793.339.313	3.793.339.313	3.182.546.632	133.742.000	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.793.339.313	3.793.339.313	3.182.546.632	133.742.000	
1.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	3.793.339.313	3.793.339.313	3.182.546.632	133.742.000	

Công khai kết quả vận động tài trợ năm học 2022-2023

Trong năm học 2022-2023 trường THCS Hải Nam đã tiếp nhận từ tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân thành đạt, các nhà hảo tâm của địa phương, các thầy cô giáo, nhân dân trong xã, các cựu học sinh ở các khóa học, các cá nhân trong xã ngoài xã trong nước:

1. Tổng số tiền mặt thu được: 90.500.000 đồng, nhà trường đã chi làm lán xe cho học sinh và nối 2 khu nhà cho Giáo viên và học sinh đi thông qua Kho Bạc nhà nước huyện Hải Hậu học như sau:

1.1. Chi làm lán xe : 60.000.000 đồng.

1,2. Chi làm vòm nối lối 2 khu nhà : 33.750.000 đồng.

1.3. Cân đối: Số tiền ủng hộ: 90.500.000 đồng

Số tiền đã chi: 93.750.000 đồng

Dư: (3.250.000 đồng)

* Toàn bộ chứng từ số tiền ủng hộ thu được và số tiền đã chi nhà trường đã quyết toán và được Phòng GD&ĐT Hải Hậu phê duyệt trong quyết toán thu chi năm học 2022-2023.

2. Hiện vật nhận được:

2.1 Hội học sinh niên khóa 1994-1998 trao tặng 01 máy ổn áp trị giá 15.000.000 đồng, 01 bộ bàn ghế tiếp khách trị giá 29.000.000 đồng.

2.2 Hội học sinh niên khóa 1994-1998 trao tặng học bổng cho 12 học sinh trị giá 12 triệu. Anh Phạm Đức Hoài tặng học bổng cho 16 HS x 1.200.000 đ/HS + 20 tài khoản Futurelang x 3tr/tài khoản (trao trực tiếp cho học sinh)

2.3 Anh Phạm Tiến Lực (HS cũ) tặng bộ âm ly trị giá 12.000.000 đồng

Công khai về kế hoạch vận động tài trợ năm học 2023-2024;

Nhà trường còn đang thiếu các hạng mục cơ sở vật chất (như sân chạy thể dục cho học sinh và một số trang thiết bị máy vi tính cho phòng tin học của học sinh và phục vụ trên lớp cho giáo viên kết nối trực tiếp giảng dạy... so với quy định. Do nhà trường chưa có nguồn tài chính để mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế nên nhà trường kêu gọi các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, công ty, nhân dân trong và ngoài địa phương cũng như đội ngũ giáo viên, nhân viên, các bậc cha mẹ (học sinh) của nhà trường tài trợ cho nhà trường để nhà trường bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ, nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục học sinh tại trường đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục của Phòng GDĐT, Sở GDĐT, Bộ GDĐT. Năm học 2023-2024, nhà trường sẽ cần ưu tiên, lựa chọn các hạng mục cơ sở vật để mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế trước để tham mưu chính quyền địa phương xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT và trình Phòng GDĐT xem xét, phê duyệt; khi được Phòng GDĐT phê duyệt, nhà trường sẽ tiến hành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch vận động tài trợ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, hiệu quả, chất lượng.

- Dự kiến cho 02 năm học tiếp theo (năm 2024-2025 và năm học 2025-2026): Tương tự các đầu mục, nội dung, mức thu như năm học 2023-2024. Khi có sự thay đổi, phát sinh (về đầu mục, nội dung, mức thu) so với năm học trước liền kề theo các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhà trường sẽ cập nhật kịp thời, thông báo tới cha mẹ học sinh về những khoản bắt buộc phải đóng góp theo nghĩa vụ; thực hiện việc xây dựng dự toán thu chi để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, báo cáo cấp có thẩm quyền, thống nhất tổ chức thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích sau khi được cấp có thẩm quyền có ý kiến, phê duyệt.

b. Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Năm học 2023-2024:

+ Học phí: là khoản đóng góp theo nghĩa vụ, tạm thực hiện theo quy định tại công văn số 983/UBND-PGDĐT. Ngày 21/9/2023 của UBND huyện Hải Hậu, với mức thu 200.000 đồng/tháng, thu 9 tháng/năm học. Nếu mức thu có thay đổi theo

các Văn bản mới thì nhà trường sẽ thông báo công khai kịp thời tới đội ngũ giáo viên, nhân viên, người học và gia đình người học.

+ **Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:** tạm thực hiện theo hướng dẫn, quy định tại công văn số 983/UBND-PGDĐT-... ngày 21/9/2023 của UBND huyện Hải Hậu,

STT	Nội dung thu	ĐVT	Định mức thu năm học 2023-2024	Dự kiến thu	
				Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Học phí	đồng/tháng/HS	200.000 (9 tháng/ năm học)	200.000 (9 tháng/ năm học)	200.000 (9 tháng/ năm học)
2	Học thêm(4.000 đ/tiết ,3tiết /buổi	đồng/buổi/HS	4.000 (Thu theo số tiết thực tế học)	4.000 (Thu theo số tiết thực tế học)	4.000 (Thu theo số tiết thực tế học)
3	Tiền nước uống	đồng/tháng/HS	10.000(9 tháng/ năm học)	10.000(9 tháng/ năm học)	10.000(9 tháng/ năm học)
4	Trông giữ xe đạp	đồng/tháng/HS	10.000 đ/ XĐ 15.000 đ/ XĐđiện	10.000 đ/ XĐ 15.000 đ/ XĐđiện	10.000 đ/ XĐ 15.000 đ/ XĐđiện
5	Bảo hiểm y tế học sinh	đồng/năm/HS	680.400	680.400	680.400

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

Trong năm học 2022-2023 nhà trường đã thực hiện nghiêm túc về chế độ trợ cấp, miễn giảm học phí cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách:

+ Miễn 100 % học phí cho 12 học sinh tháng 9-12/2022 con hộ nghèo học sinh khuyết tật, giảm 50% học phí cho 64 học sinh tháng 9-12/2022 thuộc đối tượng con hộ cận nghèo. 01 học sinh thuộc đối tượng con hộ nghèo là học sinh khuyết tật được hưởng trợ cấp tháng 9-12/2022.

+ Miễn 100% học phí cho 05 học sinh tháng 1-5/2023 con hộ nghèo, giảm 50% học phí cho 23 học sinh tháng 1-5/2023 thuộc đối tượng con hộ cận nghèo.

- Số liệu về kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023 nhà trường sẽ cập nhật, tổng hợp số liệu và thực hiện công khai kịp thời theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

c. Trong năm học 2022-2023 trường THCS Hải Nam chi: Tổng các nguồn(Ngân sách, học phí,khác)

- Chi quỹ lương và các khoản thanh toán cho cá nhân: 3.721.859.156 đồng.
- Chi thực hiện chuyên môn nghiệp vụ: 118.391.065 đồng.
- Chi mua sắm, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị: 130.847.000 đồng.
- Chi thực hiện các nhiệm vụ khác: 793.673.751 đồng.

- Mức thu nhập bình quân hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: 8.900.000 đồng. Mức thu nhập cao nhất: khoảng 12.000.000 đồng. mức thu nhập thấp nhất: 4.100.000 đồng.

	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Các khoản chi lương, phụ cấp, các khoản đóng theo lương (BHYT, BHTN, BHXH, kinh phí Công đoàn,...)	3.721.859.156 đồng	
2	Chi bồi dưỡng chuyên môn	118.391.065 đồng	
3	sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	130.847.000 0đồng	
4	Chi thực hiện các nhiệm vụ khác	793.673.751 đồng	
5	Mức thu nhập bình quân hàng tháng / Gv, NV	4.100.000- 12.000.000 đồng	

đ) Kết quả kiểm toán : Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

- Năm học 2022-2023: Nhà trường không đón Đoàn Kiểm toán Nhà nước nên không phải thực hiện kiến nghị.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường;
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.
- Công khai trên cổng thông tin điện tử.

2. Thời điểm công khai

- Công khai vào tháng 6 và cập nhật khi khai giảng năm học mới (tháng 9 năm 2023) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Niêm yết công khai tại trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo qua sổ liên lạc điện tử và hệ thống truyền thanh của xã trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào cuối năm học (2022-2023) và đầu năm học mới (2023-2024) để thông báo chi tiết.

Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng chuyên môn tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

IV. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KIỂM TRA:

Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở thường xuyên giám sát việc phân bổ ngân sách nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua sắm dụng cụ phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên...

Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: giám sát các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tạ người thu.

Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: giám sát về chi ngân sách, chế độ cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường giám sát chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023-2024 trước 30/09/2023.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022-2023 của trường THCS Hải Nam.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Hải Hậu (để báo cáo);
- Phụ trách công TT trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn An

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển	Xét duyệt	Xét duyệt	Xét duyệt
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình học 37 tuần của BGD. Khối 6;7;8;9 học 1 buổi/ngày. - Dạy môn tự chọn ở các khối lớp với thời lượng 2 tiết/tuần/lớp. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT. Đẩy mạnh dạy học theo chủ đề, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn. - Thực hiện giảng dạy tiết giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn xã làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường - Học sinh thực hiện tốt nội qui nhà trường, nội qui sử dụng phòng học bộ 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp với nội dung và hình thức phong phú. - Lồng ghép nội dung giáo dục "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường; Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Văn học, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục hướng nghiệp (khối 9). - Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, quan tâm, chăm lo, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. 			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<i>*Đạo đức:</i> Tốt: 80% Khá: 17% TB: 3% Yếu: 0% <i>* Học tập:</i> Giỏi: 25% Khá: 57% TB: 20%	<i>Đạo đức:</i> Tốt: 80% Khá: 17% TB: 3% Yếu: 0% <i>*Học tập:</i> Giỏi: 27% Khá: 54% TB: 17%	<i>*Đạo đức:</i> Tốt: 80% Khá: 17% TB: 3% Yếu: 0% <i>*Học tập:</i> Giỏi: 30% Khá: 50% TB: 18%	<i>*Đạo đức:</i> Tốt: 80% Khá: 17% TB: 3% Yếu: 0% <i>* Học tập:</i> Giỏi: 35% Khá: 45% TB: 20%

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		Yếu, Kém: 3% * <i>Sức khỏe</i> : Tốt: 90% Khá: 10%	Yếu, Kém: 2% * <i>Sức</i> <i>khỏe</i> : Tốt: 90% Khá: 10%	Yếu, Kém: 2% * <i>Sức</i> <i>khỏe</i> : Tốt: 90 % Khá: 10 %	Yếu, Kém: 0% * <i>Sức khỏe</i> : Tốt:90% Khá: 10%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	428	103	111	109	105
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	365	85 82,5%	90 81,1%	91 83,5%	99 94,3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54	13 12,6%	18 16,2%	17 15,6%	6 6,7%
3	Trung bình (K6 Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	9	5 4,9%	3 2,7%	1 0,9%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	428	103	111	109	105
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	117	29 28,2%	27 24,3%	27 24,8%	34 32,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	165	43 37,9%	43 38,7%	41 37,6%	42 40%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	140	31 22,1%	39 27,9%	41 29,3%	29 20,7%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	02	0	02	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	428	103	111	109	105
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	426	103 100%	109 98,2%	109 100%	0
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	76	20 19,4%	19 17,1%	17 15,6%	20 19%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	82	18 17,5%	19 17,1%	21 19,3%	24 22,9%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	23	4 3,8%	4 3,6%	15 13,7%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	02	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10	1 0,9%	4 3,6%	4 3,7%	1 0,9%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	4	0	1 0,9%	2 1,8%	1 0,9%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	14	1 0,9%	0	13 11,9%	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	105				105
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	105				105 100%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	34				34 32,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42				42 40%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	29				29 27,6%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	234/194	67/36	48/63	63/46	56/49
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	02	0	0	0

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN AN**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI NAM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	1,5 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8385	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4347	
VI	Tổng diện tích các phòng	980	
1	Diện tích phòng học (m ²)	584	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	240	
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	66	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa (Đài nghe TA)	04	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	07	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa	04	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN AN

1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	0												
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên thư viện													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

Ghi chú: giáo viên hợp đồng 03; nhân viên hợp đồng 03 (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế 01 nhân viên thư viện hợp đồng 161)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN AN